

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày 24 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Chương và bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Diệu Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Ksor Yanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/QĐXXST-HS ngày 02/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Lương Hoàng N, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1993, tại huyện C, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Hùng D và bà Nguyễn Thị Bích N1; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ **từ ngày 13/9/2024, tạm giam từ ngày 15/9/2024 cho đến nay. Có mặt**

2. Ksor H'Mi, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1997, tại huyện P, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn Ổi H'ly, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Siu K (Đã chết) và bà Ksor H'Âm; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ **ngày 12/9/2024, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 13/9/2024 cho đến nay. Có mặt**

- **Bị hại:** Anh Y Đê Phăng K1, sinh năm 1988

Trú tại: Buôn Ổ, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. **Có mặt**

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Y Sờh M, sinh năm 1978

Trú tại: Buôn Ea Kjoh B, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. **Có mặt**

- **Người tham gia tố tụng khác:**

+ **Người làm chứng:** Bà Ksor H1, sinh năm 1944

Trú tại: Buôn Ổ, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. **Có mặt**

+ **Người phiên dịch:** Bà Ksor Siu H2

Trú tại: Thôn S, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. **Có mặt**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2023, Ksor H3 và Lương Hoàng N sống chung với nhau như vợ chồng. Ngày 15/6/2023, H3 cùng N đi về nhà bà Ksor H'Âm (mẹ đẻ của H3) tại thôn B, xã I, P để làm lại căn cước công dân của H3. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/6/2023, do không có xe đi lại nên N nói với H3 tìm xe người thân trộm cắp để làm phương tiện đi lại, H3 đồng ý. N và H3 đi đến nhà anh Y Đê Phăng K1, sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã I, P (là anh rể H3), thấy anh Y Đê Phăng K1 không có ở nhà và thấy xe mô tô BKS 47C1-37718 của anh Y Đê Phăng K1 dựng dưới gầm nhà sàn, N nói H3 đi lên nhà sàn tìm chìa khóa và giấy chứng nhận đăng ký xe, H' Mi đồng ý. H' Mi đi lên nhà lục lọi tìm được chìa khóa và giấy chứng nhận đăng ký xe đưa cho N. Sau đó, N điều khiển xe chở H3 đi vào tỉnh Bình Dương rồi N cầm cố tài sản cho đối tượng không rõ lai lịch, địa chỉ với số tiền 13.000.000 đồng. Số tiền này N và H3 tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Ksor H3 bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 06/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện P ra Quyết định truy nã. Ngày 12/9/2024, Ksor H3 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Ngày 13/9/2024, Lương Hoàng N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện P đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 20/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện P xác định: 01 xe Mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu nâu đen, BKS 47C1-377.18, số khung MH1JM5117LK606914, số máy JM51E1606552 trị giá 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng chẵn).

Về đồ vật, tài liệu tạm giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm xe mô tô BKS 47C1-377.18 nhưng không thu giữ được.

Về dân sự: Anh Y Đê Phăng K1 yêu cầu Ksor H' Mi và Lương Hoàng N bồi thường bằng hình thức mua lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda vario 125 có giá trị tương ứng. Ksor H' Mi và Lương Hoàng N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Y Đê Phăng K1 nhưng đến nay chưa thực hiện.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Lương Hoàng N, Ksor H3 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lương Hoàng N và Ksor H3, mỗi bị cáo với mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Thời hạn chấp hành án hình phạt tù bị cáo Lương Hoàng Nhân T từ ngày bị

bắt tạm giữ (ngày 13/9/2024).

Thời hạn chấp hành hình phạt tù bị cáo Ksor H3 tính từ ngày bị bắt thi hành án; được khấu trừ thời hạn tạm giữ một ngày (ngày 12/9/2024).

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại; Buộc bị cáo Lương Hoàng N và Ksor H3, mỗi bị cáo bồi thường cho anh Y Đê Phăng Kriêng số tiền 15.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Thống nhất với tội danh, điều, khoản và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt; về trách nhiệm dân sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích trộm cắp xe mô tô, nên khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/6/2023, N nói với H3 tìm xe người thân trộm cắp thì được H3 đồng ý. N và H3 đến nhà anh Y Đê Phăng Kriêng thấy xe mô tô BKS 47C1-37718 của anh Y Đê Phăng K1 dựng dưới gầm nhà sàn không có ai trông coi, đã lên nhà sàn tìm chìa khóa và giấy chứng nhận đăng ký xe rồi cùng nhau đi vào tỉnh Bình Dương cầm cố cho một người không rõ lai lịch với số tiền 13.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, N là người khởi xướng và là người thực hành tích cực; Đối với H3, là đồng phạm với vai trò là người giúp sức. Do đó, cần xử phạt bị cáo N với mức án nghiêm khắc hơn so với bị cáo H3 là hợp lý.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật; xâm phạm đến trật tự an xã hội ở địa phương. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội và bị phát hiện, các bị cáo bỏ trốn hòng trốn tránh sự trừng trị của pháp luật, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý vụ án. Do đó, cần xử phạt tù các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[2] Đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa người bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo N đã “Đầu Thú” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3] Về những chứng cứ buộc tội, tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về trách nhiệm dân sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với kết quả Nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về ý kiến của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về trách nhiệm dân sự nên hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lương Hoàng N, Ksor H3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Hoàng N, Ksor H3.

Xử phạt bị cáo Lương Hoàng N 17 (Mười bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 13/9/2024).

Xử phạt bị cáo Ksor H3 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án; được khấu trừ thời hạn tạm giữ một ngày (ngày 12/9/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lương Hoàng N và Ksor H3, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Y Đê Phăng Kriêng số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lương Hoàng N, Ksor H3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng ($15.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 750.000 \text{ đồng}$) án phí dân sự thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ

Lê Xuân Chương

Nguyễn Thị Ánh Ngọc

Dương Đình Mạnh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND huyện Phú Thiện;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an huyện Phú Thiện;
- Chi Cục THS DS huyện Phú Thiện;
- Lưu HS.